

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tập và bà Triệu Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến – Thẩm tra Viên -Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/HNGST-QĐ, ngày 09/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1987. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1978. (Vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Hà Thị T trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn C trên cơ sở quen biết, tìm hiểu tình cảm yêu đương qua mạng xã hội thời gian không lâu rồi đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2020; có đăng ký kết hôn (tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ). Nay là UBND xã N – Thái Nguyên vào ngày 27/3/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau vì chị T1 phải đi công tác xa nhà dạy học tại Trường Mầm Non xã B (Nay là xã Đ - Thái Nguyên), thỉnh thoảng chị T1 mới về thăm chồng và mẹ chồng; còn anh C thì chung sống cùng gia đình mẹ anh C tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Chị T và anh C sau khi kết hôn

chỉ đi lại với nhau được trong một thời gian 06 tháng, thì chị T1 không về nhà với anh C nữa. Chính thức vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai, do chị T1 đi công tác xa nhà, vợ chồng chung sống bên nhau ít, nên tình cảm vợ chồng ngày một nhạt phai, không gần gũi quan tâm lẫn nhau dần về sau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, nên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng về tình cảm. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Giữa chị và anh C không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hoàng Văn C hiện nay có nơi cư trú tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên quá trình tố tụng anh C không hợp tác, không có ý kiến: Nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh C tuy nhiên, quá trình tố tụng nhận thấy:

Về tố thủ tục tố tụng: Xác định anh Hoàng Văn C đã nhận biết được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị T và anh C kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ (Nay là xã N - Thái Nguyên) vào ngày 27/3/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau, chị T đi công tác xa nhà và gia đình anh C, còn anh C thì ở nhà làm công việc tự do sống chung nhà với mẹ ở thôn N. Vợ chồng qua lại với nhau trong thời gian khoảng 06 tháng thì sống ly thân, do anh C cũng đi làm ăn xa nhà, xa gia đình và địa phương nên vợ chồng dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 8/2020 và đồng thời sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh C có trao đổi qua điện thoại với bà L mẹ đẻ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa, anh C đồng ý ly hôn theo đề nghị của chị T.

Về con chung: Xác định Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung: Xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Xác định vợ chồng không có nợ chung.

Phần Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Tại biên bản xác minh ngày 29/10/2025; ngày 12/12/2025; biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2025 bà Ma Thị L (mẹ đẻ của anh C); biên bản lấy lời khai ông Hà Sỹ B (bố đẻ chị T) cung cấp thông tin chứng cứ cho Tòa án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bà Ma Thị L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án HN&GD sơ thẩm số: 37/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2025; giấy triệu tập của TAND Khu vực 7 – Thái Nguyên. Sau khi nhận được thông báo, giấy triệu tập bà L đã điện thoại cho anh C và thông báo cho anh C biết việc chị T làm đơn xin được ly hôn anh C mà TAND Khu vực 7 – Thái Nguyên đang thụ lý giải quyết.

Về nội dung: Bà Ma Thị L thông báo cho anh Hoàng Văn C biết như sau: Chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh C, con chung không có, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Sau khi anh C nghe điện thoại nói lại với bà L là anh C không về được. Tuy nhiên, anh C không nói cho bà L biết địa chỉ anh C hiện nay ở đâu, làm việc gì, nhưng anh C nói nếu chị T kiên quyết muốn được ly hôn anh C thì anh C đồng ý theo đơn khởi kiện của chị T; đồng thời anh C đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật, anh C không có yêu cầu nào khác. Ngoài ra bà L trình bày anh C đi làm xa nhà từ thời điểm tết nguyên đán năm 2025 chưa về nhà lần nào, nhưng mẹ con vẫn trao đổi việc gia đình qua điện thoại, anh C thỉnh thoảng gửi tiền cho bà. Về quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 27/3/2020; được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong địa phương. Sau khi kết hôn chị T do đi làm giáo viên ít khi về bên nhà chồng, còn anh C không ở nhà đi làm ăn xa, thời gian đầu anh C có gửi tiền cho chị T, sau đó thì không gửi tiền cho chị T nữa dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay. Hiện nay chị T và anh C sống ly thân không ai quan tâm đến ai, chị T cũng không về thăm nhà lần nào, việc ly hôn giữa chị T và anh C do các con toàn quyền quyết định, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định, bà không có ý kiến nào khác. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh C bà L trình bày: Do vợ chồng ở xa nhau, không gần gũi tâm sự quan tâm tình cảm với nhau, nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, bất đồng quan điểm sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã được hai bên gia đình, thôn tổ can thiệp nhưng không có kết quả, thậm chí có nhờ đến công an xã can thiệp tuy nhiên đều không lập biên bản.

Ngày 12/12/2025 Toà án tiếp tục xác minh với bà Ma Thị L có liên lạc được với anh C và có nắm được địa chỉ mới hiện tại của anh C không. Kết quả xác minh bà L cho biết bà vẫn liên lạc qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội như Zalo với anh C, nhưng bà không nắm biết được địa chỉ hiện tại của anh C và không được anh C cung cấp địa chỉ anh C đang sinh sống hiện nay.

Ngày 20/10/2025 Toà án tiến hành xác minh với Công an xã N – Thái Nguyên về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thời điểm hiện nay của anh Hoàng Văn C: Kết quả xác minh anh Hoàng Văn C là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N - Thái Nguyên từ khi sinh ra đến nay Hộ gia đình gồm chủ hộ là bà Ma Thị L (mẹ đẻ của anh Hoàng Văn C). Hiện nay có thông tin anh C đi làm ăn xa, tuy nhiên thông tin về nơi làm việc hiện nay của anh C, UBND xã N có thể cung cấp cho Toà án.

Ngày 20/10/2025 Toà án tiến hành xác minh với trưởng thôn N, xã N - Thái Nguyên về nơi cư trú về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C: Kết quả xác minh anh Hoàng Văn C tại thời điểm hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã N - Thái Nguyên, hàng năm đóng các khoản phí của thôn đầy đủ. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh C thường xuyên đi đi về về, nhưng không nói cho người thân và trưởng thôn biết là anh C đi đâu, đi trong bao lâu đi khi nào và về khi nào, không nói cho thôn biết nơi ở hiện nay, thời điểm nào anh C đi và thời điểm nào anh

C về. Về quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T đã diễn ra trong thời gian dài, có nhờ đến mặt trận thôn can thiệp tuy nhiên không lập biên bản.

Ngày 20/10/2025 Tòa án tiến hành xác minh với UBND xã N – Thái Nguyên về nơi cư trú anh Hoàng Văn C: Kết quả xác minh anh Hoàng Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã N - Thái Nguyên. Quá trình sinh sống anh C có đóng góp các khoản phí của thôn đầy đủ, thời gian gần đây anh C thường xuyên đi đi về về, nhưng không nói cho ai biết nơi hiện nay anh C đang sinh sống, anh C đi và về không thông báo cho thôn tổ và chính quyền địa phương nắm được thời gian đi và về vì vậy chính quyền địa không nắm được thời gian cụ thể anh C đi và về.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh C. Gửi thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh C không hợp tác đến làm việc tại Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Quá trình tố tụng và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh C vắng mặt, tuy nhiên trong biên bản xác minh, biên bản ghi lời khai đối với bà Ma Thị L (mẹ đẻ anh C) thì anh C đã trình bày ý kiến về việc giải quyết ly hôn. Ngoài ra anh C không có ý kiến nào khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử, cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đối với chị T nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng đầy đủ, đối với anh C bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng không đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị T được ly hôn Hoàng Văn C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xã N - Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn C sau khi được Tòa án gửi giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định nhưng anh C không đến Tòa án làm việc. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo khoản 4 Điều 207/BLTTDS. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 và Điều 238/BLTTDS.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định là vụ án về ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C trên cơ sở quen biết, tìm hiểu tình cảm yêu đương qua mạng xã hội thời gian không lâu rồi đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương; có đăng ký kết hôn (tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ). Nay là UBND xã N – Thái Nguyên vào ngày 27/3/2020. Như vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau vì chị T1 phải đi công tác dạy học xa nhà; còn anh C thì chung sống cùng mẹ đẻ tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ đi lại với nhau trong khoảng thời gian 06 tháng. Chính thức vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020, không ai quan tâm đến ai, do chị T1 công tác xa nhà, anh C cũng đi làm ăn xa nhà, nên vợ chồng chung sống bên nhau ít, nên tình cảm vợ chồng ngày một nhạt phai, không gần gũi quan tâm lẫn nhau dần về sau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, nên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng về tình cảm. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, quá trình tố tụng bà L có ý kiến cung cấp thông tin là anh C có ý kiến nhất trí với đơn khởi kiện của chị T. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình có nội dung như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia

đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về con chung: Xác định chị T và anh C không có con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228, 238/ Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T xin được ly hôn anh Hoàng Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn C.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị T đã nộp theo biên lai số 0001323 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 7 – Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 7- Thái Nguyên;
- UBND xã Nam Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cận

